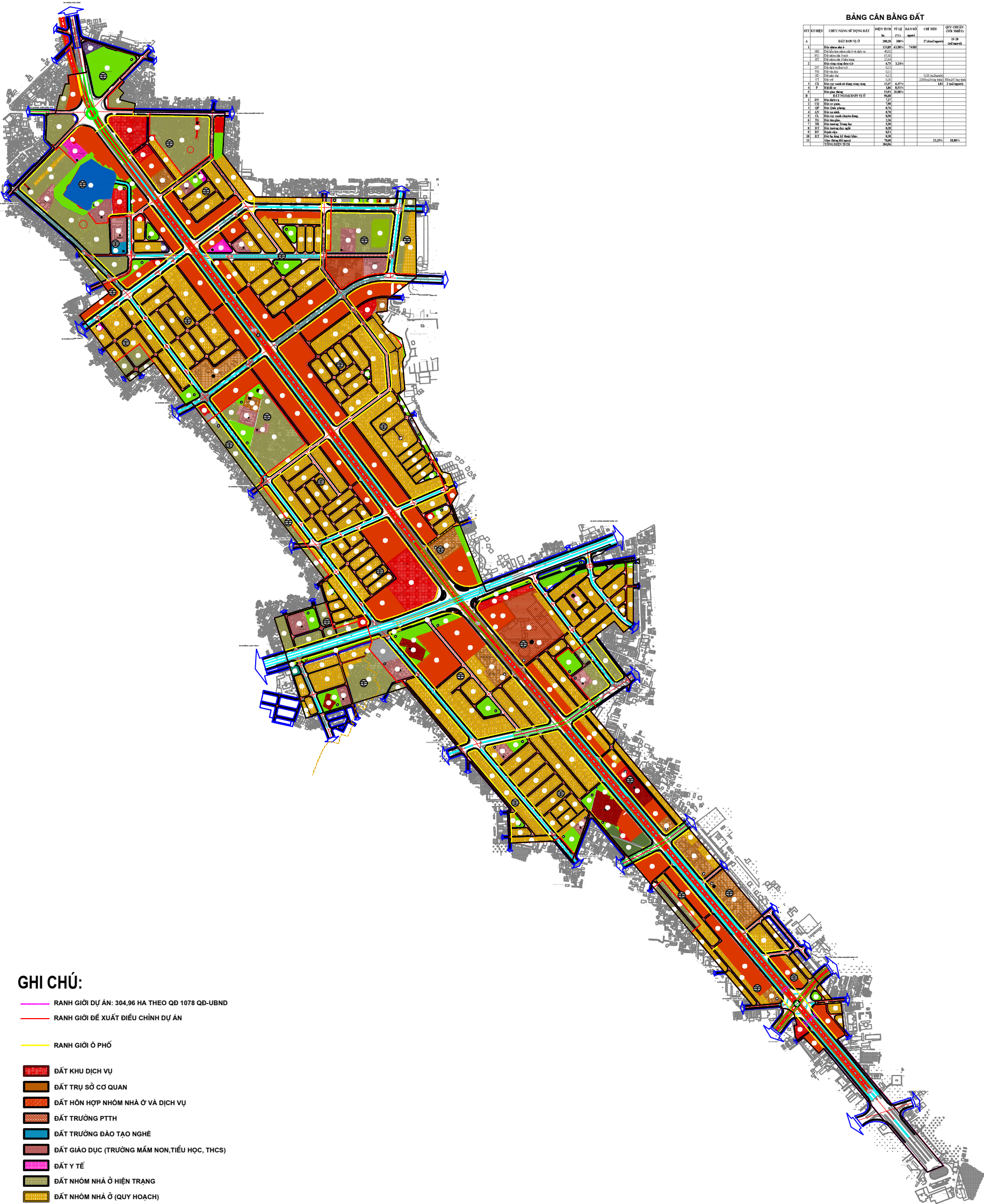
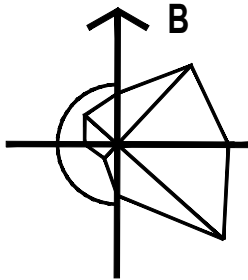




ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ: 1/2000 (QUY HOẠCH PHÂN KHU TỶ LỆ 1/2000)
KHU ĐÔ THỊ MỚI NGÃ 5 - SÂN BAY CÁT BI

ĐỊA ĐIỂM: QUẬN NGÔ QUYỀN, HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT



BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT					
STT	KÝ HIỆU	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (HA)
A		ĐẤT KINH DOANH	208,28	100%	208,28
B		ĐẤT TRỤ SỞ CƠ QUAN	1,13	0,54%	1,13
C		ĐẤT HỖN HỢP NHÓM NHÀ Ở VÀ DỊCH VỤ	1,13	0,54%	1,13
D		ĐẤT TRƯỜNG PTTH	1,13	0,54%	1,13
E		ĐẤT TRƯỜNG ĐÀO TẠO NGHỀ	1,13	0,54%	1,13
F		ĐẤT GIÁO DỤC (TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS)	1,13	0,54%	1,13
G		ĐẤT Y TẾ	1,13	0,54%	1,13
H		ĐẤT NHÓM NHÀ Ở HIỆN TRẠNG	1,13	0,54%	1,13
I		ĐẤT NHÓM NHÀ Ở (QUY HOẠCH)	1,13	0,54%	1,13
J		ĐẤT VĂN HÓA	1,13	0,54%	1,13
K		ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG	1,13	0,54%	1,13
L		ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN DỤNG	1,13	0,54%	1,13
M		ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC	1,13	0,54%	1,13
N		ĐẤT TÔN GIÁO	1,13	0,54%	1,13
O		ĐẤT AN NINH	1,13	0,54%	1,13
P		ĐẤT QUỐC PHÒNG	1,13	0,54%	1,13
Q		ĐẤT BÃ ĐỒ XE	1,13	0,54%	1,13
R		GIAO THÔNG	1,13	0,54%	1,13

BẢNG THÔNG KẾ CHI TIẾT SỬ DỤNG ĐẤT									
STT	KÝ HIỆU	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (HA)	STT	KÝ HIỆU	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (HA)
1	A.1	Đất khu dịch vụ	208,28	100%	208,28	1	A.1	Đất khu dịch vụ	208,28
2	A.2	Đất trụ sở cơ quan	1,13	0,54%	1,13	2	A.2	Đất trụ sở cơ quan	1,13
3	A.3	Đất hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ	1,13	0,54%	1,13	3	A.3	Đất hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ	1,13
4	A.4	Đất trường PTTH	1,13	0,54%	1,13	4	A.4	Đất trường PTTH	1,13
5	A.5	Đất trường đào tạo nghề	1,13	0,54%	1,13	5	A.5	Đất trường đào tạo nghề	1,13
6	A.6	Đất giáo dục (trường mầm non, tiểu học, THCS)	1,13	0,54%	1,13	6	A.6	Đất giáo dục (trường mầm non, tiểu học, THCS)	1,13
7	A.7	Đất y tế	1,13	0,54%	1,13	7	A.7	Đất y tế	1,13
8	A.8	Đất nhóm nhà ở hiện trạng	1,13	0,54%	1,13	8	A.8	Đất nhóm nhà ở hiện trạng	1,13
9	A.9	Đất nhóm nhà ở (quy hoạch)	1,13	0,54%	1,13	9	A.9	Đất nhóm nhà ở (quy hoạch)	1,13
10	A.10	Đất văn hóa	1,13	0,54%	1,13	10	A.10	Đất văn hóa	1,13
11	A.11	Đất cây xanh sử dụng công cộng	1,13	0,54%	1,13	11	A.11	Đất cây xanh sử dụng công cộng	1,13
12	A.12	Đất cây xanh chuyên dụng	1,13	0,54%	1,13	12	A.12	Đất cây xanh chuyên dụng	1,13
13	A.13	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	1,13	0,54%	1,13	13	A.13	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	1,13
14	A.14	Đất tôn giáo	1,13	0,54%	1,13	14	A.14	Đất tôn giáo	1,13
15	A.15	Đất an ninh	1,13	0,54%	1,13	15	A.15	Đất an ninh	1,13
16	A.16	Đất quốc phòng	1,13	0,54%	1,13	16	A.16	Đất quốc phòng	1,13
17	A.17	Đất bãi đỗ xe	1,13	0,54%	1,13	17	A.17	Đất bãi đỗ xe	1,13
18	A.18	Giao thông	1,13	0,54%	1,13	18	A.18	Giao thông	1,13

GHI CHÚ:

- RANH GIỚI DỰ ÁN: 304,96 HA THEO QB 1078 QB-UBND
- RANH GIỚI ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN
- RANH GIỚI Ồ PHỐ

- ĐẤT KHU DỊCH VỤ
- ĐẤT TRỤ SỞ CƠ QUAN
- ĐẤT HỖN HỢP NHÓM NHÀ Ở VÀ DỊCH VỤ
- ĐẤT TRƯỜNG PTTH
- ĐẤT TRƯỜNG ĐÀO TẠO NGHỀ
- ĐẤT GIÁO DỤC (TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS)
- ĐẤT Y TẾ
- ĐẤT NHÓM NHÀ Ở HIỆN TRẠNG
- ĐẤT NHÓM NHÀ Ở (QUY HOẠCH)
- ĐẤT VĂN HÓA
- ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG
- ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN DỤNG
- ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC
- ĐẤT TÔN GIÁO
- ĐẤT AN NINH
- ĐẤT QUỐC PHÒNG
- ĐẤT BÃ ĐỒ XE
- GIAO THÔNG

KÝ HIỆU:

- TRƯỜNG THPT
- TRƯỜNG THCS
- TRƯỜNG TIỂU HỌC
- TRƯỜNG MẦM NON
- CÔNG TRÌNH Y TẾ
- BÃI ĐỖ XE
- ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
- TRUNG TÂM VĂN HÓA THỂ DỤC THỂ THAO
- THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
- CHỨC NĂNG ĐƠN VỊ Ở
- TÔN GIÁO, DI TÍCH
- TRƯỜNG DẠY NGHỀ